SAO Y; Bộ Khoa học và Công nghệ; 12/02/2026; 10:10:34; +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2018.

Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.[1].

---

[1] Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

2. Điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị ghi đo bức xạ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây viết tắt là tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm).

2. Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định (sau đây viết tắt là tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định).

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Căn cứ Luật đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ."

Chương II

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM

Điều 3. Điều kiện hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm[2]

1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn đo lường, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng do tổ chức công bố áp dụng. Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải phù hợp với hướng dẫn của Cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế, tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế, tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tài liệu của nhà sản xuất có liên quan.

3. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Là viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

b) Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;

c) Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng theo hướng dẫn của Cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây:

a) Công khai, minh bạch quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng thông qua một hoặc các hình thức sau: trên trang thông tin điện tử của tổ chức, tại trụ sở chính của tổ chức, tại địa điểm thực hiện hoạt động;

b) Người đứng đầu tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ hệ thống quản lý đã thiết lập, quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện;

c) Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện.

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

5. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

6. Đã nộp hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận đăng ký) theo quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định[3]

1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn công tác, chất chuẩn, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) theo yêu cầu của văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng do cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật Đo lường.

3. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Là viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

b) Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;

c) Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng theo hướng dẫn của Cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Nhân viên kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.

4. Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây:

a) Người đứng đầu tổ chức được chỉ định phải tuân thủ hệ thống quản lý đã thiết lập và văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng; không chịu sự tác động, chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong hoạt động kiểm định, hiệu

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

chuẩn, thử nghiệm; bảo đảm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện;

b) Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng; không chịu sự tác động, chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong quá trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; bảo đảm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện.

5. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

6. Đã nộp hồ sơ đăng ký chỉ định kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 và được chỉ định thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Đo lường.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là hồ sơ đăng ký) gồm:

1. Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2.[4] ***(được bãi bỏ)***

3. Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

4.[5] Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

5.[6] ***(được bãi bỏ)***

---

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[6] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ

Điều 6. Cấp giấy chứng nhận đăng ký[7]

1. Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (sau đây gọi chung là tổ chức đăng ký) lập 01 bộ hồ sơ đăng ký gửi tới Cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ đăng ký tại tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính thông qua một trong các cách thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

4. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký về lý do từ chối xử lý hồ sơ hoặc những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Điều 7. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký[8]

1. Việc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Khi có nhu cầu xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm lập 01 bộ hồ sơ tương ứng theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này gửi tới Cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tại tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính thông qua một trong các cách thức sau: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Trường hợp thu hẹp phạm vi hoặc giấy chứng nhận đăng ký được cấp dưới dạng bản giấy bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị có nêu rõ lý do.

---

sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

4. Trường hợp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị chấm dứt hiệu lực và tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã hoàn thành các biện pháp khắc phục, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký;

b) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) hoặc bản sao điện tử tài liệu, giấy tờ chứng minh đã hoàn thành các biện pháp khắc phục.

5. Trường hợp bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với lĩnh vực mở rộng, bổ sung;

b) Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với lĩnh vực mở rộng, bổ sung.

6. Trường hợp điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động), hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị có nêu rõ nội dung điều chỉnh;

b) Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) hoặc bản sao điện tử các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

7. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này) hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận đăng ký (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức về lý do từ chối xử lý hồ sơ hoặc những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Điều 8. Chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký

Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp không còn hiệu lực khi bị chấm dứt hiệu lực. Trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký thực hiện như sau:

1.[9] Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền chấm dứt hiệu lực

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số

giấy chứng nhận đăng ký đã cấp cho tổ chức nếu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoặc qua kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị xử phạt vi phạm hành chính về đo lường từ 03 lần trở lên;

b) Không thực hiện khắc phục các vi phạm theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

c) Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này trong 02 năm liên tiếp;

d) Giả mạo hoặc cung cấp thông tin không trung thực các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký;

đ) Có hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp.

2.[10] ***(được bãi bỏ)***.

3.[11] Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bị phá sản, bị giải thể thì giấy chứng nhận đăng ký đã cấp cho tổ chức tự động hết hiệu lực.

4.[12] Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp gửi tới Cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấm dứt tại tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính qua Bộ phận Một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký.

133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[10] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ[13]

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên phạm vi cả nước; kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan quy định tại Nghị định này trên phạm vi cả nước;

b) Xây dựng và quản lý dữ liệu về đo lường trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn nội dung, hình thức, việc sử dụng tem, dấu, giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

d) Chỉ đạo cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản hướng dẫn việc xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; văn bản hướng dẫn bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam;

đ) Quy định việc chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 và chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong công tác tuyên truyền, kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm khi có yêu cầu và theo quy định tại Nghị định này trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công.

Điều 10. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và thực hiện các quy định tại Nghị định này trong phạm vi địa phương.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này; kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về đo lường có liên quan.

---

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

3.[14] Cập nhật dữ liệu về đo lường trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, quản lý đối với các thông tin về: (i) tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ngay sau khi cấp giấy chứng nhận đăng ký; (ii) báo cáo tình hình thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ ngay sau khi tiếp nhận báo cáo của các tổ chức này.

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1.[15] Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký; tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã công bố áp dụng; lưu giữ đầy đủ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã cấp cho khách hàng; tuân thủ, duy trì và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về việc tổ chức thực hiện các điều kiện hoạt động quy định tại Nghị định này;

b) Ban hành và thực hiện quy định về duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện đo để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bảo đảm tính liên kết chuẩn; biện pháp ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng; quy định về nội dung, hình thức, in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng tem, dấu, giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trường hợp cấp giấy chứng nhận điện tử thì phải bảo đảm tính pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Xây dựng và niêm yết công khai về giá kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định; chấp hành quy định về giá dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

---

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

d) Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 12 hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập và gửi báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Trách nhiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký theo phân công của người đứng đầu tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và phù hợp với lĩnh vực đã được bồi dưỡng, tập huấn[16];

b) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện;

c) Thực hiện các biện pháp theo quy định để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;

d) Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về đo lường phải có trách nhiệm báo ngay với người đứng đầu tổ chức để phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[17]

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

---

[16] Cụm từ "đào tạo" được thay thế bởi cụm từ "bồi dưỡng, tập huấn" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[17] Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành quy định như sau:

"***Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp***

1. Đối với đơn, hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ đó. Cơ quan, người có thẩm quyền không được yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, cập nhật đơn, hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

2. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, tước quyền sử dụng, chấm dứt, hủy bỏ bởi cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.".

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được chứng nhận đăng ký, đã được chỉ định theo quy định hiện hành về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được tiếp tục thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động được chứng nhận, được chỉ định và theo các quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 03 /VBHN-BKHCN

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ trưởng Bộ KH&CN;
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐC.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2026

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC[18]

CÁC MẪU BIỂU

(Kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
Mẫu số 02	Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
Mẫu số 04	Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
Mẫu số 05	Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

[18] Phụ lục I Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 105/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 được thay thế bởi Phụ lục I Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số Nghị định số 36/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Mẫu số 01. Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

---

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG

Kính gửi: ...(Tên cơ quan cấp giấy)....

1. Tổ chức đăng ký:.....(tên tổ chức) .....

Địa chỉ trụ sở chính[1]: .....

Điện thoại: .....; Email: .....

2. Mã số doanh nghiệp/Số đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ/Số Giấy chứng nhận đăng ký[2]:.....cấp ngày.....do.....[3]..... cấp.

3. Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường sau[4]:

3.1. Dịch vụ kiểm định:

TT	Tên phương tiện đo[5]	Phạm vi đo[6]	Cấp/độ chính xác/Sai số[7]	Quy trình thực hiện[8]	Ghi chú[9]
1.					
...					

3.2. Dịch vụ hiệu chuẩn:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường[5]	Phạm vi đo[6]	Độ không đảm bảo đo[7]	Quy trình thực hiện[8]	Ghi chú[9]
1.					
...					

3.3. Dịch vụ thử nghiệm:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường[5]	Phạm vi đo[6]	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số[7]	Quy trình thực hiện[8]	Ghi chú[9]
1.					
...					

4. Địa điểm thực hiện[10]:.....

Điện thoại: .....; Email: .....

5. (Tên tổ chức đăng ký) xin cam kết tuân thủ đúng trách nhiệm quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số ... ngày... tháng ... năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Kính đề nghị (tên cơ quan cấp giấy) xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

[1] Ghi rõ theo quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

[2] Đối với trường hợp đăng ký lần đầu: Điền *mã số doanh nghiệp* theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc *số đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ* theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ. Đối với trường hợp xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký: Điền *số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã được cấp và còn hiệu lực*.

[3] Ghi rõ tên cơ quan cấp giấy.

[4] Các nội dung đăng ký tại Mục 3 có thể được thể hiện dưới dạng phụ lục kèm theo.

[5] Ghi rõ tên phương tiện đo hoặc chuẩn đo lường đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

[6] Ghi rõ phạm vi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký thực hiện tương ứng với từng phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng với từng tên phương tiện đo, chuẩn đo lường.

[7] Ghi cụ thể thông tin về cấp chính xác/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số tương ứng theo phương tiện đo, chuẩn đo lường; trường hợp không thể xác định được các thông tin này thì có thể ghi thông tin giá trị độ chia.

[8] Ghi rõ tên, ký hiệu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng.

[9] Ghi chú rõ từng trường hợp: Trường hợp đăng ký bổ sung lĩnh vực: Ghi rõ "Bổ sung". Trường hợp mở rộng, thu hẹp phạm vi đo: Ghi rõ "Điều chỉnh".

[10] Trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện dịch vụ tại hiện trường thì ghi "tại hiện trường"; trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm cố định và hiện trường thì kết hợp ghi cả hai.

Mẫu số 02. Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, NHÂN LỰC

TT	Danh mục đăng ký			Chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng[1]				Nhân viên thực hiện				
	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tên dịch vụ/Tên hoạt động[2]	Quy trình thực hiện[3]	Tên chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng	Số sản xuất; Đặc tính kỹ thuật đo lường chính (phạm vi đo, cấp/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số)	Nơi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Thời hạn hiệu lực giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Thông tin cá nhân (Họ và tên, năm sinh)	Trình độ học vấn	Viên chức/Lao động hợp đồng	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ[4]	Nơi cấp giấy chứng nhận
1.												
2.												
...												

(Tên tổ chức) xin cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ các thông tin liên quan của chuẩn đo lường, phương tiện đo trên các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của quy trình thực hiện và theo thứ tự: các chuẩn đo lường ghi trước, các phương tiện đo ghi sau (Ví dụ: Áp kế chuẩn hiện số; số sản xuất: 12345, phạm vi đo: (0 ÷ 7) bar, độ chính xác: ± 0,05 %FS; Viện Đo lường Việt Nam; 30/12/2026). Nộp kèm theo bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức) hoặc bản sao điện tử các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

(2) Ghi rõ tên dịch vụ đăng ký hoặc tên hoạt động đăng ký chỉ định: kiểm định hoặc hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm

(3) Ghi rõ tên, ký hiệu của quy trình thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trường hợp đăng ký kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường lần đầu; bổ sung phương tiện đo, chuẩn đo lường hoặc điều chỉnh phạm vi đo, cấp/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số của phương tiện đo, chuẩn đo lường trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp thì phải nộp kèm theo quy trình kiểm định tương ứng.

(4) Nộp kèm theo bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức) hoặc bản sao điện tử các giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:……..	……, *ngày …. tháng …. năm 20….*

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG[1]

Căn cứ...[2]...;

Theo đề nghị của....

(Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận) chứng nhận:

1. Tên tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Email: .....

Đã đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường sau đây[3]:

1.1. Dịch vụ kiểm định:

TT	Tên phương tiện đo[4]	Phạm vi đo[5]	Cấp/độ chính xác/ Sai số[6]	Quy trình thực hiện[7]	Ghi chú[8]
1.					
…					

1.2. Dịch vụ hiệu chuẩn:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường[4]	Phạm vi đo[5]	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số[6]	Quy trình thực hiện[7]	Ghi chú[8]
1.					
…					

1.3. Dịch vụ thử nghiệm:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường[4]	Phạm vi đo[5]	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số[6]	Quy trình thực hiện[7]	Ghi chú[8]
1.					
…					

Địa điểm thực hiện hoạt động[9]: .....

Điện thoại:.....; Email: .....

2. Số đăng ký[10]:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký được cấp lần:..... (đầu, thứ 2/...)[11]

Nơi nhận:
- (Tên tổ chức đăng ký);
- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia (để b/c);
- .....;
- Lưu VT:... (đơn vị soạn thảo).

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

[1] Mỗi tổ chức chỉ được cấp 01 giấy chứng nhận đăng ký. Giấy chứng nhận đăng ký được cấp lại sẽ thay thế cho giấy chứng nhận đăng ký được cấp lần trước đó.

[2] Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy định thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và các văn bản quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản. Căn cứ ban hành văn bản được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành).

Căn cứ ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ từ 13 đến 14, trình bày dưới phần tên loại và trích yếu nội dung văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.)

[3] Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại mục 1.1; 1.2; 1.3 có thể được thể hiện dưới dạng phụ lục kèm theo.

[4] Ghi rõ tên phương tiện đo/chuẩn đo lường.

[5] Ghi rõ phạm vi đo tương ứng với từng tên phương tiện đo, chuẩn đo lường kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với từng phương tiện đo, chuẩn đo lường theo hồ sơ đăng ký của tổ chức.

[6] Ghi cụ thể thông tin về cấp chính xác/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số tương ứng theo phương tiện đo, chuẩn đo lường; trường hợp không thể xác định được các thông tin này thì có thể ghi thông tin giá trị độ chia.

[7] Ghi rõ tên, ký hiệu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng.

[8] Ghi chú rõ từng trường hợp: Trường hợp đăng ký bổ sung lĩnh vực: Ghi rõ "Bổ sung". Trường hợp mở rộng, thu hẹp phạm vi đo: Ghi rõ "Điều chỉnh".

Ví dụ:

1.1. Dịch vụ hiệu chuẩn:

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số	Quy trình thực hiện	Ghi chú
1.	Thiết bị chỉ thị nhiệt độ hiện số và tương tự (với cặp nhiệt loại K)	(-200 ÷ 1 300) °C	1,4 °C(*)	Quy trình hiệu chuẩn thiết bị chỉ thị nhiệt độ hiện số và tương tự - QTHC1234	Bổ sung

(*) Độ không đảm bảo đo.

(9) Trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện dịch vụ tại hiện trường thì ghi "tại hiện trường"; trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm cố định và tại hiện trường thì kết hợp ghi cả hai.

(10) Số đăng ký là ký hiệu mà tổ chức cung cấp dịch vụ được cơ quan hoặc người có thẩm quyền cấp. Mỗi tổ chức chỉ được cấp 01 số đăng ký và được thống nhất lấy theo cấu trúc ĐK xxx. Trong đó: ĐK là viết tắt của chữ "đăng ký"; xxx là số tự nhiên liên tiếp; giữa ĐK và xxx là 01 dấu cách. (Ví dụ: ĐK 1000, ...).

Số đăng ký được lấy và cập nhật thường xuyên trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và quản lý.

(11) Đối với cấp lại: Ghi "Giấy chứng nhận được cấp lần thứ.... (2; 3; 4...) và thay thế cho Giấy chứng nhận số... ngày... của..." (các giấy chứng nhận đã được cấp trước đó mà chưa được thay thế hoặc chấm dứt hiệu lực).

Mẫu số 04. Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG

(Thời gian kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm từ ngày..... đến ngày.....)

Kính gửi: ...(tên cơ quan cấp)...[1]

Tên tổ chức lập báo cáo:.....

Giấy chứng nhận đăng ký số ..... Số đăng ký.....

Quyết định chỉ định số (nếu có) ..... Ký hiệu.....

Ngày cấp:.....Ngày hết hạn (nếu có):.....

1. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường:

STT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường[2]	Số lượng[3]		Số lượng tem, dấu, giấy chứng nhận đã cấp[4]			
		Đã thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Đạt yêu cầu	Dấu	Tem	Giấy chứng nhận	Ghi chú[5]
A. Lĩnh vực được chỉ định							
I.	Kiểm định						
1.							
...							
II	Hiệu chuẩn						
1.							
...							
III	Thử nghiệm						
1.							
...							

STT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường[2]	Số lượng[3]		Số lượng tem, dấu, giấy chứng nhận đã cấp[4]			
		Đã thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Đạt yêu cầu	Dấu	Tem	Giấy chứng nhận	Ghi chú[5]
B. Lĩnh vực được cấp giấy chứng nhận đăng ký							
I.	Kiểm định						
1.							
...							
II	Hiệu chuẩn						
1.							
...							
III	Thử nghiệm						
1.							
...							

2. Quản lý chuẩn đo lường và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm[6]

a) Danh sách các chuẩn đo lường và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đang sử dụng để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

TT	Tên chuẩn và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Nước sản xuất	Số sản xuất	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số	Nơi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Thời hạn có giá trị (đến)
1.							
...							

b) Danh sách các chuẩn và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hiện không còn sử dụng để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

TT	Tên chuẩn và phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Nước sản xuất	Số sản xuất	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số	Ghi chú
1.						
2.						
...						

3. Quản lý nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

a) Danh sách các nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đang tham gia hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Viên chức/Lao động hợp đồng	Lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Ghi chú
1.					
2.					
...					

b) Danh sách các nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không còn tham gia hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Viên chức/Lao động hợp đồng	Lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Ghi chú
1.					
2.					
...					

4. Tình hình thanh tra, kiểm tra, bị đình chỉ, tước quyền sử dụng, chấm dứt hiệu lực hoặc hủy bỏ, giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có)

.....

5. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với các giấy chứng nhận đăng ký được cấp trước ngày 01/7/2025 thì gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (qua Sở Khoa học và Công nghệ) nơi tổ chức đặt địa chỉ trụ sở chính.

(2) Ghi rõ tên từng phương tiện đo, chuẩn đo lường.

(3) Ghi rõ số lượng phương tiện đo, chuẩn đo lường đã kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và số lượng đạt yêu cầu.

(4) Ghi rõ số lượng tem, dấu, giấy chứng nhận đã cấp cho phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng.

(5) Ghi chú rõ "bản điện tử" nếu cấp giấy chứng nhận điện tử.

(6) Ghi rõ tên từng phương tiện đo, chuẩn đo lường theo yêu cầu của từng quy trình thực hiện.

Mẫu số 05. Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ ĐÃ THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO/IEC 17025 ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

CÔNG BỐ:

Đã thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của…(tên tổ chức)...

Mã số công nhận ISO/IEC 17025 (nếu có): .....

…(Tên tổ chức)... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của bản công bố này và cam kết luôn duy trì, lưu giữ đầy đủ hồ sơ hệ thống quản lý bảo đảm phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Nơi nhận:
- (Cơ quan cấp giấy chứng nhận);
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)